

TỜ TRÌNH

Đăng ký mở ngành đào tạo

Tên ngành: **Sư phạm Tin học**; Mã số: **7140210**; Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và đào tạo.

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Thanh Hóa là một tỉnh đất rộng và là một trong những tỉnh đông dân nhất nước Việt Nam, nằm ở vùng Bắc Trung bộ, cách trung tâm Hà Nội 150 km về phía nam. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh 1.112.033 ha, trong đó, đất sản xuất nông nghiệp 245.367 ha, đất lâm nghiệp 553.999 ha, đất nuôi trồng thủy sản 10.157 ha. Dân số toàn tỉnh 3,67 triệu người, trong đó, lực lượng lao động trong độ tuổi chiếm 58,8%, nguồn lao động tương đối trẻ, trình độ văn hóa khá, lao động đã qua đào tạo chiếm trên 27%, song lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên còn ở mức thấp, mới chỉ chiếm 5,4% tổng dân số toàn tỉnh.

1.1. Kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu người học

Qua điều tra, cho thấy nhu cầu của người học đối với ngành là rất lớn, gần 100% số học sinh, sinh viên được hỏi đều ủng hộ việc mở ngành và có nguyện vọng theo học.

1.2. Kết quả điều tra, khảo sát về nhu cầu giáo viên tin học phổ thông

Theo thống kê sơ bộ toàn tỉnh Thanh Hóa hiện mới có 357 giáo viên biên chế dạy môn Tin học, trong đó có 57 giáo viên dạy bậc tiểu học và 300 giáo viên dạy bậc THCS. Hiện đang còn thiếu 196 giáo viên biên chế dạy môn tin học (tương ứng dạy tại 196 trường đạt chuẩn Quốc gia) và khoảng 700 giáo viên Tin học cho các trường tiểu học và trung học. Khi chương trình giáo dục phổ thông mới được áp dụng thì số lượng giáo viên tin học của Thanh Hoá thiếu còn tăng lên nhiều.

Ban soạn thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể xác định, Tin học giữ vai trò chủ đạo trong việc chuẩn bị cho học sinh khả năng tiếp nhận, mở rộng tri thức và sáng tạo trong thời đại thông tin, kết nối và toàn cầu hóa. Môn học cũng hỗ trợ đắc lực học sinh tự học và tập nghiên cứu; tạo cơ sở vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, phục vụ phát triển nội dung kiến thức mới, triển khai phương thức giáo dục mới và hiện đại cho tất cả môn học. Tin học trở thành môn bắt buộc có phân hóa, xuyên suốt từ lớp 3 đến lớp 9 và tự chọn ở THPT.

1.3. Sự phù hợp của ngành đào tạo Sư phạm Tin học với chiến lược phát triển của Trường Đại học Hồng Đức

Việc mở ngành Sư phạm Tin học trình độ đại học là cơ sở để nhà trường khai thác và phát huy tiềm lực đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nhà trường thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa

học của tỉnh Thanh Hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII.

1.4. Sự phù hợp của ngành đào tạo Sư phạm Tin học đối với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa.

Việc mở ngành đào tạo Sư phạm Tin học là cơ sở để thu hút người học, đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, qua đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu chương trình phát triển nguồn nhân lực và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.

2. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

2.1. Trường Đại học Hồng Đức

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; là trường Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT và các Bộ ngành Trung ương. Nhà trường đã không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục đại học. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Với chức năng chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học công nghệ nhằm phát triển Nhà trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước mà trước hết là cho tỉnh Thanh Hóa; nghiên cứu khoa học nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu chất lượng đào tạo đa ngành với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế-QLTKD, Kỹ thuật-Công nghệ và Nông Lâm Ngư nghiệp với đủ các bậc đào tạo; từng bước khẳng định được mô hình đào tạo của một trường đào tạo đa ngành trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân.

Hiện nay, bộ máy của nhà trường gồm 33 đơn vị trực thuộc với 12 khoa chuyên môn, 11 phòng, 3 ban, 6 trung tâm và Trạm Y tế; 51 bộ môn quản lý chuyên môn trực thuộc các khoa đào tạo.

Về đội ngũ: Tính đến tháng 3/2021, nhà trường có 435 giảng viên cơ hữu; về trình độ, 164 tiến sĩ (trong đó 25 PGS), 308 thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 94,00% (xét riêng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 37,7%). Hiện tại 152 cán bộ giảng viên của nhà trường đang tham gia các chương đào tạo sau đại học (trong đó có trên 80 nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài). Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, quản lý giáo dục và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

Về đào tạo: tính đến tháng 12/2020 Nhà trường đang tổ chức đào tạo được 23 chuyên ngành sau đại học (4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 19 chuyên ngành trình độ thạc sĩ); 32 ngành bậc đại học. Cùng với đào tạo chính quy, Nhà trường đang đào tạo các hình thức: VL VH, liên thông và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn để đáp ứng tối đa nhu cầu người học.

Về quy mô đào tạo: Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 8.000-10.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật: Nhà trường có 2 cơ sở đào tạo với tổng diện tích 61.9 ha, bình quân 73m²/sinh viên. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỉ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nền nếp. Thư viện trường có 2834 danh mục giáo trình (49087 cuốn); 8382 danh mục tài liệu tham khảo (79884 cuốn); 894 bản báo và tạp chí; 16 loại cơ sở dữ liệu nước ngoài với 148 đĩa CD-ROM; 2 loại cơ sở dữ liệu trong nước với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lý thư viện LIBOL, cơ sở dữ liệu tài nguyên số... Thư viện điện tử có 120 máy tính; mạng Internet, mạng LAN, wifi được kết nối đến phòng học, phòng làm việc trong toàn trường, đảm bảo thông suốt 24/24 giờ đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên. Khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

Nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT; Cờ thi đua của UBND tỉnh Thanh Hoá. Tháng 7/2017, Trường Đại học Hồng Đức đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Nhà trường đã phát triển đúng hướng và trở thành cơ sở đào tạo lớn nhất và ở trình độ cao nhất tỉnh Thanh Hoá, là con chim đầu đàn của hệ thống các trường đại học do địa phương quản lý.

2.2. Khoa Công nghệ thông tin-Truyền thông

Khoa CNTT&TT là một trong các khoa có bề dày về đào tạo cử nhân ngành CNTT và thạc sĩ ngành Khoa học Máy tính. Hiện nay khoa có 3 bộ môn (Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và ứng dụng). Tổng số cán bộ của Khoa hiện nay là 23, trong đó 20 giảng viên ngành CNTT với 2 phó giáo sư, 3 tiến sĩ, 15 Thạc sĩ.

Về đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở và chuyên ngành thuộc chuyên ngành Sư phạm Tin học gồm:

- Đội ngũ giảng viên giảng dạy các học phần liên quan đến Tin học: PGS.TS. Phạm Thế Anh, PGS.TS. Trịnh Viết Cường, TS. Nguyễn Thế Cường, TS. Lê

Đình Nghiệp, TS. Nguyễn Đình Công, ThS. Trịnh Thị Phú, ThS. Nguyễn Đình Định, ThS. Lê Thị Hồng, ThS. Hoàng Văn Quý, ThS. Lê Thị Đình, ThS. Lê Thị Hồng Hà, ThS. Trịnh Thị Anh Loan, ThS. Lê Văn Hào, ThS. Nguyễn Thị Bích Nhật, ThS. Trần Minh Ngọc, ThS. Trần Văn Huy, ThS. Lê Việt Nam, ThS. Lê Minh Hiền.

- Đội ngũ giảng viên trong trường giảng dạy các học phần liên quan đến sư phạm, giáo dục học: PGS.TS. Nguyễn Hà Lan, TS. Lê Thị Thu Hà, TS. Dương Thị Thoan, TS. Nguyễn Thị Thanh, TS. Hồ Thị Dung, TS. Cao Xuân Hải, TS. Nguyễn Văn Đông, TS. Cao Thị Cúc, ThS. Phạm Thị Thu Hoà, ThS. Nguyễn Thị Hương, PGS. TS. Nguyễn Hữu Hậu.

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo đăng ký mở: Sư phạm Tin học; chương trình đào tạo: Sư phạm Tin học; trình độ đào tạo: Đại học.

- Tóm tắt chương trình đào tạo: tổng khối lượng kiến thức toàn khóa 121 tín chỉ, thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng).

- Chỉ tiêu (dự kiến) tuyển sinh trong 3 năm đầu: 40 chỉ tiêu/01 năm.

- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học được xây dựng trên cơ sở quy định về xây dựng CTĐT, tham khảo của các trường Đại học trong và ngoài nước. Sau khi được Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành, Trường đã phối hợp chặt chẽ, tiếp thu ý kiến của Hội đồng, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình theo ý kiến góp ý và đã được Hội đồng thẩm định thông qua.

4. Kết luận và đề nghị

Nhà trường cam kết hàng năm đầu tư, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học trình độ đại học.

Đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã có đủ điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành **Sư phạm Tin học**.

Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên website của nhà trường tại địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn>.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo ngành **Sư phạm Tin học**, trình độ đại học, mã số: **7140210./.** 

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Lưu: VT, QLĐT 

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Văn Thi

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Sư phạm Tin học**

Mã số: **7140210**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Hồng Đức

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo quyết định số 797/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ; là trường Đại học công lập, đa ngành, trực thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ GD&ĐT và các Bộ ngành Trung ương. Nhà trường đã không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phát triển của giáo dục đại học. Tháng 7/2007, Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ và tháng 9 năm 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Với chức năng chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phát triển khoa học công nghệ nhằm phát triển Nhà trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước. Nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước mà trước hết là cho tỉnh Thanh Hóa; nghiên cứu khoa học nhằm từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tốt mục tiêu chất lượng đào tạo đa ngành với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế-QTKD, Kỹ thuật-Công nghệ và Nông Lâm Ngư nghiệp với đủ các bậc đào tạo; từng bước khẳng định được mô hình đào tạo của một trường đào tạo đa ngành trong hệ thống giáo dục đại học quốc dân.

Hiện nay, bộ máy của nhà trường gồm 33 đơn vị trực thuộc với 12 khoa chuyên môn, 11 phòng, 3 ban, 6 trung tâm và Trạm Y tế; 51 bộ môn quản lý chuyên môn trực thuộc các khoa đào tạo.

Về đội ngũ, Tính đến tháng 3/2021, nhà trường có 435 giảng viên cơ hữu; về trình độ, 164 tiến sĩ (trong đó 25 PGS), 308 thạc sĩ; tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 94,00% (xét riêng tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 37,7%).

Hiện tại 152 cán bộ giảng viên của nhà trường đang tham gia các chương đào tạo sau đại học (trong đó có trên 80 nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài). Nhà trường đã và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, quản lý giáo dục và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

Về đào tạo, tính đến tháng 3/2021 Nhà trường đang tổ chức đào tạo được 23 chuyên ngành sau đại học (trong đó có 4 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 19 chuyên ngành trình độ thạc sĩ); đào tạo 32 ngành trình độ đại học. Cùng với đào tạo chính quy, Nhà trường đang tổ chức đào tạo các hình thức khác như: Vừa làm vừa học, liên thông và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn để đáp ứng tối đa nhu cầu người học.

Quy mô đào tạo của Nhà trường từng bước được mở rộng hợp lý. Đến nay, Nhà trường chủ trương ổn định quy mô khoảng 8.000 - 10.000 HSSV, đã và đang tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, phấn đấu xây dựng thương hiệu một số ngành đào tạo chất lượng cao.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng bằng việc xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra của các ngành, chuyên ngành thuộc các bậc đào tạo; đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và phát huy năng lực người học, kết hợp với các cơ sở thực hành, thực tập, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; đổi mới công tác kiểm tra đánh giá thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá quá trình học tập. Đề thi được ra theo hướng tổng hợp, vận dụng kiến thức thực tiễn, thực hành nhằm nâng cao chất lượng đào tạo hành nghề cho sinh viên.

Về nghiên cứu khoa học, chỉ trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên nhà trường đã triển khai thực hiện 8 đề tài khoa học cấp Nhà nước (và tương đương), hơn 30 đề tài cấp Tỉnh và hơn 250 đề tài cấp Cơ sở. Nhiều đề tài đã được áp dụng và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Hằng năm, cán bộ giảng viên đã công bố hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và quốc tế. Năm 2008, nhà trường được Bộ Văn hóa thông tin và truyền thông cho phép xuất bản *Tạp chí khoa học* có chỉ số quốc tế ISSN. Hiện *Tạp chí khoa học* của nhà trường xuất bản 6 số/năm trong đó có 1 số bằng Tiếng Anh, có 4 ngành được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm công trình.

Về hợp tác quốc tế, từ năm 1997 đến nay, trường đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác quốc tế với hơn 40 trường đại học và các tổ chức quốc tế ở Mỹ, Canada, Úc và nhiều nước châu Âu, châu Á; cử 186 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài, đón và làm việc với 464 lượt khách quốc tế, cử 76 cán bộ đi học các khóa đào tạo ngắn, dài hạn theo chương trình hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận 23 giáo viên tình nguyện đến giảng dạy tiếng Anh tại trường, ... Thực hiện đề án liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài bằng

nguồn ngân sách địa phương, nhà trường đã tổ chức đào tạo được 6 khoá tiếng Anh quốc tế cho 144 học viên, gửi được 117 học viên đi học tại 57 trường đại học trên thế giới (trong đó có 18 cán bộ đi đào tạo tiến sĩ, 78 cán bộ đi học thạc sĩ và 21 người học đại học). Nhà trường đã và đang liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo các ngành, chuyên ngành đại học và sau đại học. Năm 2015, liên kết với Trường Đại học Công nghệ Hoàng Gia Thanyaburi (Thái Lan) tuyển sinh đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế theo hình thức 1+3; đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) với trường Đại học Soongsil, Hàn Quốc. Bên cạnh đó, trường cũng đã và đang đào tạo hơn 320 lưu học sinh (Trình độ Đại học và trình độ thạc sĩ) cho tỉnh Hủa Phăn, nước CHDCND Lào.

Cơ sở vật chất, Nhà trường có 2 cơ sở đào tạo với tổng diện tích 61.9 ha, bình quân 73m2/sinh viên. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỉ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nền nếp. Thư viện trường có 2834 danh mục giáo trình (49087 cuốn); 8382 danh mục tài liệu tham khảo (79884 cuốn); 894 bản báo và tạp chí; 16 loại cơ sở dữ liệu nước ngoài với 148 đĩa CD-ROM; 2 loại cơ sở dữ liệu trong nước với 14 đĩa CD-ROM; phần mềm quản lý thư viện LIBOL, cơ sở dữ liệu tài nguyên số... Thư viện điện tử có 120 máy tính; mạng Internet, mạng LAN, wifi được kết nối đến phòng học, phòng làm việc trong toàn trường, đảm bảo thông suốt 24/24 giờ đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của cán bộ giảng viên và sinh viên. Khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

Nhà trường đã nhận được nhiều bằng khen và các danh hiệu cao quý do Nhà nước tặng: Huân chương Lao động hạng Nhất; Huân chương Lao động hạng Nhì; Huân chương Lao động hạng Ba; Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT; Cờ thi đua của UBND tỉnh Thanh Hoá. Tháng 7/2017, Trường Đại học Hồng Đức đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục đại học, Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận là cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đại học. Nhà trường đã phát triển đúng hướng và trở thành cơ sở đào tạo lớn nhất và ở trình độ cao nhất tỉnh Thanh Hoá, là con chim đầu đàn của hệ thống các trường đại học do địa phương quản lý.

2. Sự cần thiết mở ngành Sư phạm Tin học

Thanh Hoá nằm ở cực Bắc Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560km về phía Bắc. Thanh Hoá nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các tỉnh Bắc Lào và vùng trọng điểm kinh tế Trung bộ, ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi cho lưu thông Bắc Nam, với các vùng trong tỉnh và đi quốc tế. Về mặt tự nhiên, Thanh Hoá có địa hình đa dạng, thấp dần từ Tây sang Đông, chia làm 3 vùng rõ rệt: vùng núi và trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển. Đồng bằng Sông Mã có diện tích lớn thứ ba sau đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng. Vùng ven biển chiếm 9,95% diện tích toàn tỉnh, với bờ biển dài 102 km, địa hình tương đối bằng phẳng, có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng, các khu nghỉ mát và những vùng đất đai rộng lớn thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản, phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển.

Về điều kiện kinh tế - xã hội, theo Tổng Cục thống kê Việt Nam, Thanh Hoá có 3.426.600 người; có 7 dân tộc anh em sinh sống là: Kinh, Mường, Thái, H'mông, Dao, Thổ, Hoa. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở các huyện vùng núi cao và biên giới. Dân số trong độ tuổi lao động có khoảng 2,16 triệu người, chiếm tỷ lệ 58,8% dân số toàn tỉnh. Nguồn lao động của Thanh Hoá tương đối trẻ, có trình độ văn hoá khá. Lực lượng lao động đã qua đào tạo chiếm 27%, trong đó lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 5,4%.

2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Giáo dục là nền tảng của một đất nước, là sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng công nghiệp. Một chương trình giáo dục tổng thể mang tầm vóc thời đại là một cuộc đột phá mạnh trong triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay. Nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò của công nghệ thông tin, giáo dục công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo hiện nay là một bước đột phá quan trọng chuẩn bị cho con người, cho tâm thế Việt Nam bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần này. Công nghệ thông tin không chỉ là những kiến thức xuyên suốt chương trình đào tạo từ cấp Tiểu học cho đến Trung học phổ thông mà nó còn là một trong những năng lực quan trọng mà học sinh Việt Nam cần phải có. Chính vì vậy, việc đào tạo giáo viên có tay nghề giỏi, tâm huyết cao để đảm nhận trọng trách này là một trong những vấn đề mà cả xã hội và ngành giáo dục đang hết sức quan tâm .

Trường Đại học Hồng Đức là một trong những trường đại học địa phương đa ngành, đa nghề, đa lĩnh vực hàng đầu cả nước không chỉ về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, mà còn là trường đại học đi tiên phong trong các lĩnh vực mới, đã có những bước đi quan trọng mang tính đột phá để đáp ứng với yêu cầu của thời đại mới. Ý thức được tầm quan trọng đó, khoa CNTT&TT đã xây dựng chương trình đào tạo được thiết kế, xây dựng bám sát với yêu cầu, mục tiêu

đào tạo của chương trình giáo dục tổng thể quốc gia dành cho bộ môn Tin học từ tiểu học đến phổ thông trung học. Việc đào tạo bài bản cho đội ngũ giáo viên Tin học là tiền đề cho việc phát triển các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin sau này.

Khoa CNTT&TT hiện đang đào tạo ngành Cử nhân Công nghệ thông tin với chương trình đào tạo mềm dẻo để giúp sinh viên ngành Sư phạm Tin học có thể cùng học và cùng thực hành những chuyên đề, dự án công nghệ hiện đại ở các trung tâm công nghệ phần mềm trên thành phố và khu vực miền Trung. Đây là lợi thế cho các bạn sinh viên ngành Sư phạm Tin học sau khi ra trường có thể tìm được công việc trong không chỉ trong giảng dạy Tin học tại các cơ sở đào tạo mà còn có thể tìm thấy công việc trong lĩnh vực phát triển các ứng dụng Công nghệ thông tin.

2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Ngày 27/3/2014 Bộ GD-ĐT ban hành Quyết định 1090/QĐ-BGDĐT tạm dừng bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm cho những người tốt học nghiệp đại học muốn trở thành giáo viên THPT. Như vậy, kể từ năm 2014 chỉ có sinh viên tốt nghiệp sư phạm mới đủ điều kiện đi dạy trong các trường tiểu học, THCS, PTTH; cơ hội việc làm cho sinh viên chuyên ngành sư phạm tin tăng cao rõ rệt (do trước năm các cử nhân CNTT muốn đi dạy chỉ cần học thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm từ 3 – 6 tháng)

Theo thống kê sơ bộ của Sở giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá, toàn tỉnh Thanh Hóa hiện mới có 357 giáo viên biên chế dạy môn Tin học, trong đó có 57 giáo viên dạy bậc tiểu học và 300 giáo viên dạy bậc THCS. Hiện đang còn thiếu 196 giáo viên biên chế dạy môn tin học (tương ứng dạy tại 196 trường đạt chuẩn Quốc gia) và khoảng 700 giáo viên tiểu học, trung học. Khi chương trình giáo dục phổ thông mới được áp dụng thì số lượng giáo viên tin học của Thanh Hoá thiếu còn tăng lên nhiều do đa số các trường chưa đạt chuẩn Quốc gia còn chưa có phòng máy và giáo viên tin học.

Ban soạn thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể xác định, Tin học giữ vai trò chủ đạo trong việc chuẩn bị cho học sinh khả năng tiếp nhận, mở rộng tri thức và sáng tạo trong thời đại thông tin, kết nối và toàn cầu hóa. Môn học cũng hỗ trợ đắc lực học sinh tự học và tập nghiên cứu; tạo cơ sở vững chắc cho việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, phục vụ phát triển nội dung kiến thức mới, triển khai phương thức giáo dục mới và hiện đại cho tất cả môn học.

Vì thế, so với chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, vị trí, vai trò của môn Tin học đã thay đổi. Thay vì là môn tự chọn như hiện nay, Tin học trở thành môn bắt buộc có phân hóa, xuyên suốt từ lớp 3 đến lớp 9.

Theo Nghị quyết của Quốc hội, chậm nhất từ năm học 2020-2021 chương trình sách giáo khoa mới được áp dụng đối với cấp tiểu học, từ năm học 2021-2022 đối với cấp THCS và từ năm học 2022-2023 đối với cấp THPT.

Theo số liệu rà soát của Bộ GD-ĐT, đối với bậc tiểu học, cả nước đang thiếu khoảng 5.600 giáo viên Tin học. Để đáp ứng chương trình mới, bắt đầu từ năm học 2021-2022 đến 2023-2024, Bộ khuyến cáo mỗi năm cần tuyển bổ sung khoảng 2.000 giáo viên cho môn học này.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học

Trường Đại học Hồng Đức có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình đại học ngành Sư phạm Tin học. Đa số các giảng viên được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, trong đó có nhiều giảng viên có trình độ tiến sỹ được đào tạo từ các nước tiên tiến trên thế giới. Cụ thể:

- **Đội ngũ giảng viên phụ trách giảng dạy các học phần cơ sở và chuyên ngành: 02 phó giáo sư, 03 tiến sĩ và 12 thạc sĩ** (PGS.TS. Phạm Thế Anh, PGS.TS. Trịnh Viết Cường, TS. Nguyễn Thế Cường, TS. Lê Đình Nghiệp, TS. Nguyễn Đình Công, ThS. Trịnh Thị Phú, ThS. Nguyễn Đình Định, ThS. Lê Thị Hồng, ThS. Hoàng Văn Quý, ThS. Lê Thị Đình, ThS. Lê Thị Hồng Hà, ThS. Trịnh Thị Anh Loan, ThS. Lê Văn Hào, ThS. Nguyễn Thị Bích Nhật, ThS. Trần Minh Ngọc, ThS. Trần Văn Huy, ThS. Lê Việt Nam).

- **Đội ngũ giáo viên thực hành tham gia giảng dạy các học phần cơ sở và chuyên ngành: 06 thạc sĩ** (ThS. Lê Thị Thu Hiền, ThS. Trần Doãn Minh, ThS. Đặng Ngọc Tuấn, ThS. Lê Đức Thọ, ThS. Nguyễn Đình Thịnh, ThS. Lê Diệu Linh).

- Nhà trường có đội ngũ 48 giảng viên (6 PGS; 14 tiến sĩ; 28 thạc sĩ) tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán, Ngoại ngữ, Khoa học xã hội.

- Có 04 kỹ thuật viên, giáo viên thực hành đảm bảo đáp ứng yêu cầu hướng dẫn thực hành, thực tập các học phần thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học.

- Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
1.	Mai Thị Quý, 1969, Phó Trưởng khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2007, Việt Nam	Triết học	- Triết học Mác-Lênin - Kinh tế chính trị Mác-Lênin
2.	Lê Thị Thắm, 1975, Trưởng bộ môn Nguyên lý, Khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Triết học	- Chủ nghĩa xã hội khoa học
3.	Vũ Thị Lan, 1982, Phó trưởng bộ môn Tư tưởng, Khoa LLCT-Luật	Thạc sĩ, 2015, Việt Nam	Tư tưởng	- Tư tưởng Hồ Chí Minh
4.	Nguyễn Văn Thụ, 1974, Trưởng bộ môn Đường lối, Khoa LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2015, Trung Quốc	Lịch sử đảng	- Lịch sử Đảng
5.	Lê Văn Minh, 1977, PTK LLCT-Luật	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Luật dân sự	- Pháp luật đại cương;
6.	Nguyễn Thị Quyết, 1976, Trưởng khoa Ngoại ngữ	Tiến sĩ, 2015, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	- Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2
7.	Trịnh Thị Thơm, 1968, Trưởng phòng HTQT	Tiến sĩ, 2014, Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	- Tiếng Anh 3 - Tiếng anh chuyên ngành
8.	Ngô Xuân Sao, 1962, Phó Trưởng môn	Thạc sỹ, Việt Nam	Phương pháp dạy học	- Cơ sở văn hóa Việt Nam
9.	Nguyễn Anh Minh, 1982 PT Bộ môn Toán giải tích, khoa KHTN	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Giải tích và Đại số	- Toán cao cấp

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
10.	Lê Viết Báu, 1972, Trưởng Khoa KT-CN	Phó giáo sư, 2015, Việt Nam	Vật liệu điện tử	- Vật lý kỹ thuật
11.	Trịnh Viết Cường, 1980, Phó trưởng khoa CNTT&TT	Phó giáo sư, 2020, Pháp	Khoa học máy tính	- Phương pháp NCKH chuyên ngành - Phân tích thiết kế thuật toán
12.	Lê Thị Hồng, 1983, Phó Trưởng môn BM. KHMT	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Lập trình cơ bản
13.	Lê Thị Đình, 1966, Phó Trưởng môn BM MMT&UD	Thạc sĩ, 2012, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Tin học cơ sở
14.	Nguyễn Đình Định, 1978	Thạc sĩ, 2005, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao
15.	Trịnh Thị Phú, 1974, Trưởng môn BM KHMT	Thạc sĩ, 2006, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Cấu trúc dữ liệu & Giải thuật
16.	Trần Minh Ngọc, 1966, Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Kiến trúc máy tính - Hệ điều hành
17.	Hoàng Văn Quý, 1978	Thạc sĩ, 2011, Việt Nam	Tin học	- Mạng máy tính
18.	Lê Thị Hồng Hà, 1982, Trưởng môn BM. Các hệ thống thông tin	Thạc sĩ, 2007, Việt Nam	Công nghệ phần mềm	- Cơ sở dữ liệu - Lập trình hướng đối tượng với C++ - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
19.	Trịnh Thị Anh Loan, 1982, Phó Trưởng môn BM. Các hệ thống thông tin	Thạc sĩ, 2009, Việt Nam	Công nghệ phần mềm	- Lập trình hướng đối tượng - Thiết kế và xây dựng Cơ sở dữ liệu - Phân tích thiết kế hướng đối tượng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
20.	Lê Đình Nghiệp, 1983, Phó trưởng phòng ĐBCL&KT	Tiến sĩ, 2020, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Xử lý ảnh - Trí tuệ nhân tạo
21.	Phạm Thế Anh, 1982, Trưởng khoa CNTT-TT	Phó giáo sư, 2019, Pháp	Khoa học máy tính	- Xử lý ảnh - Học máy - Trí tuệ nhân tạo
22.	Lê Minh Hiền, 1971, GD Trung tâm GDTX	Thạc sĩ, 2003, Việt Nam	Khoa học máy tính	- Hệ điều hành LINUX - Quản trị mạng nâng cao
23.	Nguyễn Thế Cường, 1982, Phó Trưởng khoa CNT-TT	Tiến sĩ, 2014, Bỉ	Mạng máy tính	- Thiết kế và quản trị mạng - Lập trình hướng đối tượng với Java - An toàn mạng máy tính - Đánh giá hiệu năng mạng - Công nghệ và thiết bị mạng
24.	Lê Văn Hào, 1988	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Công nghệ phần mềm	- Thiết kế Web - Lập trình trực quan - Công nghệ lập trình DotNet - Công nghệ lập trình RAD Studio - Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu
25.	Nguyễn Thị Bích Nhật, 1987	Thạc sĩ, 2016, Việt Nam	Công nghệ phần mềm	- Lập trình Web - Phát triển ứng dụng Web mã nguồn mở - Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động - Thiết kế và phát triển game - Lập trình ứng dụng Android

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, năm tốt nghiệp, nước đào tạo	Chuyên ngành được đào tạo	Học phần dự kiến đảm nhận
				- Lý luận & phương pháp dạy học môn tin học
26.	Lê Việt Nam, 1987	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Mạng máy tính	- Thực hành an ninh mạng - Công nghệ điện toán đám mây - Lập trình mạng nâng cao
27.	Dương Thị Thoan, 1973, Trưởng Khoa Tâm lý	Tiến sĩ, 2012, Việt Nam	Tâm lý học	- Tâm lý học
28.	Lê Thị Thu Hà, 1971, Trưởng khoa Tâm lý	Tiến sĩ, 2013, Việt Nam	Giáo dục học	- Giáo dục học
29.	Nguyễn Thị Hà Lan, 1975, Phó phòng QLKH&CN	Phó giáo sư, 2019, Việt Nam	Giáo dục học	- Giáo dục học
30.	Hồ Thị Dung, 1974, Phó Trưởng khoa Tâm lý	Tiến sĩ, 2013, Việt Nam	Giáo dục học	- Quản lý Hành chính NN và QL GD

(Danh sách có 04 PGS, 12 tiến sĩ và 14 thạc sĩ).

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 1 năm 2021



Hoàng Văn Thi

- Danh sách kỹ thuật viên, giáo viên thực hành tham gia hướng dẫn thực hành các học phần của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học:

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Năm tốt nghiệp
1	Trần Doãn Minh	Thạc sỹ	2018
2	Trịnh Thị Hợp	Thạc sỹ	2019
3	Đặng Ngọc Tuấn	Thạc sỹ	2018
4	Lê Thị Thu Hiền	Thạc sỹ	2018
5	Lê Đức Thọ	Thạc sỹ	2019
6	Nguyễn Đình Thịnh	Thạc sỹ	2018
7	Lê Diệu Linh	Thạc sỹ	2019

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

+ Nhà trường có hệ thống phòng học tiêu chuẩn, được lắp đặt các trang thiết bị trình chiếu, nghe nhìn đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Nhà trường có hệ thống phòng máy vi tính phục vụ công tác NCKH, giảng dạy và thực hành với các thiết bị, máy móc hiện đại, đồng bộ, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hiện các bài thực hành và nghiên cứu khoa học các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành Sư phạm Tin học. Các phòng máy vi tính trực tiếp phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học gồm: 08 phòng, trong đó có 07 phòng phục vụ học tập; 01 phòng phục vụ nghiên cứu chuyên ngành Khoa học máy tính, 01 phòng phục vụ nghiên cứu chuyên ngành mạng máy tính

+ Nhà trường có hệ thống thư viện 4.500m², trong đó có 1200m² phòng đọc, 200 chỗ ngồi; 120 máy tính phục vụ tra cứu và các loại giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí... đảm bảo đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên ngành Sư phạm Tin học.

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

TT	Loại phòng học	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy	
			Tên thiết bị	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học tiếng Anh (TOEIC)	07	- Tivi - Hệ thống tăng âm - Đài đĩa - Bảng viết	- Các học phần tiếng Anh
2	Giảng đường	06	- Máy chiếu - Hệ thống tăng âm - Bảng viết	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo

- Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành:

TT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
		Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
+ Các môn học cơ bản:				
1	Phòng 107 A3	Máy tính cá nhân	24	– Cấu trúc dữ liệu và giải thuật – Hệ điều hành – Kiến trúc máy tính – Lập trình cơ bản – Lập trình hướng đối tượng – Lập trình hướng đối tượng với C++ – Lập trình nâng cao – Phân tích và thiết kế thuật toán – Tin học cơ sở – Toán rời rạc
2	Phòng 206 A3		30	
3	Phòng 309 A3		30	
4	Phòng 310 A3		30	
5	Phòng 306 A3		30	
+ Các môn học chuyên ngành:				
8	Phòng 206 A3	Máy tính cá nhân	30	– An toàn mạng máy tính – Công nghệ Java – Công nghệ lập trình Dotnet – Công nghệ lập trình Raid Studio
9	Phòng 309 A3		30	

TT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
		Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
10	Phòng 310 A3		30	– Công nghệ và thiết bị mạng – Hệ điều hành linux – Hệ quản trị cơ sở dữ liệu – Lập trình mạng nâng cao – Lập trình trực quan – Lập trình ứng dụng Android – Lập trình Web – Mạng máy tính – Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động – Phát triển ứng dụng web mã nguồn mở – Quản trị mạng nâng cao – Thiết kế và phát triển Game – Thiết kế và quản trị mạng – Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu – Thiết kế Web – Thực hành an ninh mạng
11	Phòng 306 A2	Máy tính cá nhân và máy chủ	30	

- Danh mục giáo trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Triết học Mác-Lênin
2.	Giáo trình triết học Mác-Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2007	20	
3.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
4.	Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGD & ĐT	C.trị QG	2008	20	
5.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	BGD & ĐT	C.trị QG	2006	20	
6.	Giáo trình Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Lịch sử Đảng

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
7.	Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN	BGD & ĐT	C.trị QG	2006	20	
8.	Giáo trình Tư tưởng HCM	BGD & ĐT	C.trị QG	2009	20	Tư tưởng Hồ Chí Minh
9.	Giáo trình Tư tưởng HCM	Hội đồng Trung ương	C.trị QG	2006	20	
10.	Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm	CAND	2008	10	Pháp luật đại cương
11.	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	C.trị QG	2009	12	
12.	Starter TOEIC (third edition)	Anne Taylor, Casev Malarcher	NXB trẻ	2007	6	Tiếng anh 1
13.	English KnowHow 3	A. Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin	Oxford Uni. Press.	2006	6	Tiếng anh 2
14.	English KnowHow 3 (Units 7-12)	A. Blackwell, Therese Naber, Gregory J.Manin	Oxford Uni. Press	2006	6	Tiếng anh 3
15.	Phương pháp luận NCKH	Phạm Viết Vượng	NXB ĐHQG	2007	10	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành
16.	Phương pháp luận NCKH	Vũ Cao Đàm	NXB KHKT	2003	5	
17.	Toán cao cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2013	25	Toán cao cấp
18.	Đại số tuyến tính và hình học giải tích	Nguyễn Quốc Anh	ĐHQGHN	2009	10	
19.	Bài tập đại số tuyến tính và hình học giải tích	Nguyễn Quốc Anh	ĐHQGHN	2008	10	
20.	Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2013	11	
21.	Bài tập toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
22.	Toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2013	11	
23.	Bài tập toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2009	11	
24.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2000	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
25.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (chủ biên)	Giáo dục	2001	10	
26.	Con người và Môi trường	Lê Thanh Vân	ĐHSP Hà Nội	2004	10	Môi trường & con người
27.	Vật lý đại cương tập I, II, III	Lương Duyên Bình	Giáo dục	1997	25	Vật lý kỹ thuật
28.	Vật lý đại cương tập I, II, III	Nguyễn Xuân Chi, Đặng Quang Khang	ĐH Bách Khoa	2001	20	
29.	Giáo trình Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên)	ĐHSP	2008	15	Tâm lý học
30.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Nguyễn Kế Hào (chủ biên)	ĐHSP	2005	10	
31.	Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	ĐHSP	2006	15	Giáo dục học
32.	Giáo dục học đại cương. Tập 1,2	Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	1997	10	
33.	Đánh giá trong giáo dục	Trần Bá Hoàn	Giáo dục	1997	10	
34.	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	ĐHQG	2008	10	
35.	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo.	Phạm Viết Vượng (chủ biên)	ĐHSP	2006	10	Quản lý HCNN và QLGD
36.	Tin học căn bản	Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng	NBB Khoa học kỹ thuật	2020	30	Tin học cơ sở
37.	Giáo trình tin học cơ sở	Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang	NXB Thông tin & TT	2008	6	
38.	Toán rời rạc	Nguyễn Đình Định - Phạm Thế Anh - Lê Đình Nghiệp - Trịnh T. Anh Loan - Trịnh Thị Phú,	Giáo dục	2016	30	Toán rời rạc

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
39.	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa - Nguyễn Tô Thành	NXB ĐHQG	2006	10	
40.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	NXB ĐH QGHN	2005	6	Cấu trúc dữ liệu& Giải thuật
41.	Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát triển phần mềm	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành	NXB Giáo dục	2008	4	
42.	Kỹ thuật lập trình C cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Át	NXB GTVT	2006	10	Lập trình cơ sở
						Lập trình nâng cao
43.	Kiến trúc máy tính	Nguyễn Đình Việt	NXB ĐH QG HN	2006	5	Kiến trúc máy tính
44.	Kiến trúc máy tính	Nguyễn Như Khôi	NXB ĐH Sư phạm	2006	6	
45.	Giáo trình nguyên lý hệ điều hành	Hà Quang Thụy	NXB KHK T	2005	10	Hệ điều hành
46.	Giáo trình Hệ điều hành	Nguyễn Phú Trường	Đại học Cần Thơ,	2005	5	
47.	Mạng máy tính và các hệ thống mở	Nguyễn Thúc Hải	NXB Giáo dục	1999	10	Mạng máy tính
48.	Giáo trình Mạng máy tính	Phạm Thế Quế	NXB TT&TT	2010	5	
49.	Các hệ cơ sở dữ liệu – Lý thuyết & thực hành (tập 1)	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà	NXB Giáo dục	2007	5	Cơ sở dữ liệu
50.	Cơ sở dữ liệu	Lê Hồng Hà, Lê Văn Hào, Nguyễn Thế Cường, Trịnh Viết Cường, Lê Thị Hồng, Nguyễn Thu Hương	NXB Thanh Hoá	2019	30	
51.	Cơ sở dữ liệu	Đỗ Trung Tuấn	NXB QG HN	2007	5	
52.	Giáo trình giải thuật	Thomas H.Cormen, Charles E. Leiserson,	NXB thống kê	2002	4	Phân tích và thiết kế thuật toán

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
		Ronald L. Rivest				
53.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	NXB ĐH QG HN	2004	5	
54.	Bài giảng Lập trình hướng đối tượng	Bùi Công Giao	TP Hồ Chí Minh	2010	5	Lập trình hướng đối tượng
55.	Lập trình hướng đối tượng với Java	Đoàn Văn Ban	NXB KH KT	2005	5	
56.	Lập trình hướng đối tượng với C++	Nguyễn Xuân Thủy	NXB Giáo dục	2005	5	Lập trình hướng đối tượng với C++
57.	Giáo trình phương pháp dạy học đại cương môn Tin học	Nguyễn Bá Kim, Lê Khắc Thành	NXB ĐHSP	2008	5	Lý luận và phương pháp dạy học môn Tin học
58.	Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên giáo viên phổ thông môn Tin học	Lê Khắc Thành, Hồ Cẩm Hà	NXB ĐHSP	2007	6	
59.	Lý thuyết & thực hành (tập 1,2)	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà	NXB Giáo dục	2005	5	Thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu
60.	Giáo trình Cơ sở dữ liệu	Nguyễn Tuệ	ĐH QG HN	2010	5	
61.	Giáo trình: Nhận dạng	Nguyễn Hoàng Lan	ĐH Bách Khoa HN	2001	8	
62.	Xử lý ảnh	Phạm Thế Anh (chủ biên), Nguyễn Mạnh An, Đỗ Năng Toàn	NXB Giáo dục	2017	20	Xử lý ảnh
63.	Giáo trình xử lý ảnh số	Đỗ Năng Toàn	ĐH Thái Nguyên	2007	5	
64.	MS SQL Server 2000 System Administration		MS Press	2007	3	Hệ quản trị CSDL
65.	MS SQL Server 2000 DB design and implementation		MS Press	2007	3	
66.	Giáo trình Thiết kế & Cài đặt mạng	Ngô Bá Hùng	ĐH Cần Thơ	2005	5	Thiết kế và quản trị mạng
67.	Giáo trình Thiết kế và Quản trị Mạng		ĐH Hàng Hải	2010	5	
68.	Hệ điều hành Unix-Linux	Hà Quang Thụy, Nguyễn Trí Thành	ĐH Quốc Gia HN	2004	5	Hệ điều hành LINUX

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
69.	Giáo trình hệ điều hành Redhat Linux	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH Quốc Gia TP HCM	2007	5	
70.	Lập trình hướng đối tượng với Java	Đoàn Văn Ban	NXB KHKT	2005	5	Lập trình hướng đối tượng
71.	Trí tuệ nhân tạo: Các phương pháp giải quyết vấn đề và kỹ thuật xử lý tri thức	Nguyễn Thanh Thủy	NXB KH KT	2007	6	Trí tuệ nhân tạo
72.	Trí tuệ nhân tạo	Đinh Mạnh Tường	NXB KH KT	2002	5	
73.	Machine Learning A Probabilistic Perspective	K. P. Murphy		2012	4	Học máy
74.	Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Vy	NXB Giáo dục	2010	10	Phân tích thiết kế HTTT
75.	Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Ba	ĐH Quốc Gia HN	2003	5	
76.	HTML in 10 Simple Steps or Less	Robert G.Fuller and Laurie Ann Ulrich	Wiley Publishing, Inc	2011	3	Thiết kế Web
77.	HTML, XHTML, CSS, and JavaScript	Jon Duckett	Wiley Publishing, Inc	2013	4	
78.	Beginning ASP.NET MVC4	Jose Rolando Guay Paz	NXB Apress Media LLC, New York	2013	2	Lập trình Web
79.	Giáo trình Lập trình Web với ASP.NET	Nguyễn Minh Đạo	NXB ĐH QG TPHCM	2014	5	
80.	Lập trình web	Nguyễn Nam Hải Nguyễn Việt Anh	NXB ĐHQGHN	2013	8	Phát triển ứng dụng Web mã nguồn mở
81.	Giáo trình An toàn mạng máy tính	Nguyễn Hiếu Minh	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2012	5	An toàn mạng máy tính
82.	Giáo trình An toàn mạng máy tính	Tô Nguyễn Nhật Quang	NXB ĐHQGH	2011	5	
83.	Đánh giá hiệu năng mạng	Ngô Quỳnh Thu	ĐH Bách khoa HN	2013	5	Đánh giá hiệu năng mạng

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
84.	Đánh giá hiệu năng mạng	Phạm Gia Tiến	ĐH Cần Thơ	2010	5	Công nghệ và thiết bị mạng
85.	The CERT Guide to System and Network Security Practices	Julia H. Allen	Addison Wesley	2001	2	Thực hành an ninh mạng
86.	Giáo Trình An Ninh Mạng CEH V8				4	
87.	Cloud Computing: Concepts, Technology & Architecture	Thomas Erl, Ricardo Puttini, Zaigham Mahmood	Prentice Hall	2013	3	Công nghệ điện toán đám mây
88.	Enterprise JavaBeans 3.0	Bill Burke, Richard Monson-Haefel	Prentice Hall	2006	5	Lập trình mạng nâng cao
89.	Christian Bauer and Gavin King	Java Persistence with Hibernate		2007	4	
90.	Designing the User Interface 6th Edition	Ben Shneiderman & Catherine Plaisant	Pearson	2016	5	Lập trình trực quan
91.	Microsoft Visual C# 2013 Step by Step	John Sharp	Microsoft Press	2013	5	Công nghệ lập trình DOTNET
92.	Pro C# 5.0 and the .NET 4.5 Framework	Andrew Troe	Apress	2012	4	
93.	Rapid Application Development	James Martin	Macmillan USA	1991	5	Công nghệ lập trình RAID STUDIO
94.	Professional Mobile Application Development	Jeff McWherter and Scott Gowell	Wiley	2012	6	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động
95.	Lập trình Android	Trương Thị Ngọc Phượng	NXB ĐHQG TPHCM	2014	10	
96.	Game Programming All in One	Bruno Miguel Teixeira de Sousa, Bruno Miguel Sousa	Cengage	2014	5	Thiết kế và phát triển GAME
97.	Lập trình Android	Trương Thị Ngọc Phượng	NXB ĐHQG TPHCM	2014	10	Lập trình ứng dụng Android

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
98.	Phát triển hệ thống hướng đối tượng với UML 2.0 và C++	Nguyễn Văn Ba	ĐHQGHN	2005	10	Phân tích thiết kế hướng đối tượng
99.	Giáo trình nhập môn UML	Đặng Văn Đức	NXB Giáo dục	2002	10	
100.	Configuring Windows Server 2008 Active Directory	DanHolme & Danielle Ruest	Microsoft Press	2008	5	Quản trị mạng nâng cao
101.	Giáo trình kỹ nghệ phần mềm	Nguyễn Văn Vy, Nguyễn Việt Hà	ĐHQGHN	2010	5	Công nghệ phần mềm
102.	Software Engineering: A Practitioner's Approach, 8th edition	Roger S. Pressman	McGraw-Hill	2014	5	

- Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1.	Giáo trình Xử lý ảnh	Đại học Hồng Đức	NXB Giáo dục, 2017	15	- Xử lý ảnh - Thị giác máy tính
2.	Tin học cơ sở	Đại học Hồng Đức	NXB Giáo dục, 2017	15	Tin học cơ sở
3.	Toán rời rạc	ĐH Hồng Đức	NXB Giáo dục, 2017	15	- Toán rời rạc
4.	Cơ sở dữ liệu	ĐH Hồng Đức	ĐH Hồng Đức, 2018	5	- Cơ sở dữ liệu - Hệ QT CSDL
5.	Tạp chí Khoa học	Trường ĐH Hồng Đức	NXB Thanh Hóa	5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
6.	VNU Journal of Science	ĐHQG Hà Nội		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành
7.	Tạp chí Tin học và điều khiển	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành
8.	Chuyên san Các công trình nghiên cứu phát triển và	Bộ Thông tin và truyền thông		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành

	ứng dụng CNTT và Truyền thông				
9.	Tạp chí Khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật	ĐHBK HN		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành
10.	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ	ĐH Quốc gia TPHCM		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành
11.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam		4	- Tất cả các học phần chuyên ngành
12.	Tạp chí Khoa học	ĐH Vinh		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
13.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH An Giang		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
14.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	Học Viện Bưu chính Viễn Thông		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
15.	Tạp chí Khoa học	ĐH KTCN – ĐH Thái Nguyên		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
16.	Tạp chí Khoa học	ĐH KTKTCN – ĐHBK TPHCM		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
17.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH Đà Nẵng		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
18.	Tạp chí Khoa học	ĐH SPKT TPHCM		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
19.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH BK TPHCM		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
20.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH Huế		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
21.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH Tôn Đức Thắng		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
22.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	ĐH Cần Thơ		5	- Tất cả các học phần chuyên ngành
23.	IET Information Security	IET		4	- Lý thuyết mật mã

24.	IEEE Communication Magazine	IEEE		4	- Mạng máy tính
25.	IEEE Transactions on Pattern Analysis and Machine Intelligence	IEEE		4	- Xử lý ảnh
26.	Security and Communication Networks	Wiley		4	- Mạng máy tính - Lý thuyết mật mã - Cơ sở dữ liệu - Lập trình mạng
27.	IEEE Software	IEEE		4	- Cơ sở dữ liệu - Hệ quản trị CSDL - Lập trình hướng đối tượng
28.	IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering	IEEE			- Cơ sở dữ liệu - Hệ quản trị CSDL - Lập trình hướng đối tượng - Trí tuệ nhân tạo - Kiến trúc máy tính
29.	IEEE Transactions on Mobile Computing	IEEE			- Lập trình hướng đối tượng - Lập trình mạng - Mạng máy tính - Lập trình di động
30.	IEEE Transactions on Software Engineering	IEEE			- Cơ sở dữ liệu - Hệ quản trị CSDL - Lập trình hướng đối tượng - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Công nghệ phần mềm
31.	IEEE Wireless Communications	IEEE			- Mạng máy tính - Kiến trúc máy tính - Lập trình di động
32.	ACM Transactions on Mathematical Software	ACM			- Toán rời rạc - Cơ sở dữ liệu

					- Lập trình hướng đối tượng
33.	Artificial Intelligence				- Trí tuệ nhân tạo
34.	Communications of the ACM				- Mạng máy tính
35.	Computer Communications				- Mạng máy tính
36.	L. Lovasz and K.Vesztergombi, Discrete Mathematics	Yale University			- Toán rời rạc
37.	J. Knuth. The Art of Programming, Vol 1, 2, 3.	McGraw-Hill			- Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
38.	B. Kernighan and D. Ritchie - The C programming language	Prentice Hall			- Lập trình cơ sở
39.	B. Kernighan and D. Ritchie - The C programming language	Prentice Hall			- Lập trình nâng cao
40.	Nguyễn Phú Trường, Giáo trình Hệ điều hành	ĐH Cần thơ			- Hệ điều hành
41.	Behrouz A. Forouzan, Data Communications and Networking, Third Edition	Mc Graw Hill			- Mạng máy tính
42.	R. Pressman, Kỹ nghệ phần mềm. Tập 1, 2, 3	NXB Giáo dục			- Công nghệ phần mềm
43.	Herbert Schildt, Java: The Complete Reference, 9 th Edition	McGraw-Hill Education			- Lập trình hướng đối tượng
44.	Bryan Syverson & Joel Murach, SQL server 2012 for Developers	Mike Murach & Associates			- Hệ QTCSDL
45.	Rafael C. Gonzalez, Richard E. Woods, Steven L. Eddins, Digital Image Processing Using MATLAB	Prentice Hall			- Xử lý ảnh
46.	Giáo trình Lập trình mạng, ĐH Bách khoa TP HCM	ĐH Bách Khoa			- Lập trình mạng
47.	Waltenegus Dargie, Christian Poellabauer, Fundamentals of Wireless Sensor Networks: Theory and Practice	Wiley			- Lập trình mạng - Mạng máy tính
48.	Core Java™ 2 Volume II – Advance Features, Seventh Edition				- Lập trình mạng

49.	Stuart Russell, Peter Norvig. Artificial Intelligence: A modern Approach	Prentice- Hall			- Trí tuệ nhân tạo
50.	MacKay D. J. C. (2003). Information Theory, Inference, and Learning Algorithms	DH Cambridge			- Trí tuệ nhân tạo
51.	Ellen Siever, Stephen Figgins, Robert Love, Linux in a Nutshell	O'Reilly			- Hệ điều hành
52.	Jeffrey A. Hoffer, Joey F. Gorge, Joseph S. Valacich, Modern Systems Analysis and Design, Second Edition	Addison Wesley Longman, Inc			- Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
53.	Mendel Rosenblum, Web Applications course	Stanford University			- Thiết kế Web - Lập trình Web
54.	US Department of Defense, Database Security Technical Implementation Guide Version 7 Release 1, 2004	Prentice Hall			- Thiết kế Web - Lập trình Web
55.	Sue Conger, The New Software Engineering	Wadsworth Pub Co			- Thiết kế phần mềm
56.	John Cowley, Communications and Networking: An Introduction	Springer Science & Business Media			- Mạng máy tính - Lập trình mạng
57.	Karli Watson - Christian Nagel - Jacob Hammer Pedersen - Jon D.Reid - Morgan Skinner - Eric White. Beginning Microshotf Visual C# 2008.	Wiley Publishing, Inc			- Lập trình mạng
58.	Yevgeny Menaker, Michael Saltzman, Robert J. Oberg Programming Perl in the .NET Environment	Addison-Wesley Professional			- Lập trình mạng - Lập trình Web - Lập trình trực quan

Thanh Hóa, ngày 6 tháng 4 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



Hoàng Văn Thi

3. Hoạt động nghiên cứu khoa học:

Trong 23 năm qua, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã chủ trì thực hiện 2 dự án Quốc tế, 15 đề tài cấp Nhà nước và đề tài thuộc Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted), 52 đề tài cấp bộ, 65 đề tài/dự án cấp tỉnh và 561 đề tài/dự án cấp cơ sở. Từ kết quả của các đề tài/dự án, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến đã được chuyển giao vào sản xuất và đời sống.

Cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố hơn 2.700 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có hơn 100 bài được đăng trên các Tạp chí có chỉ số ISI, Scopus. Tạp chí Khoa học của Nhà trường đã được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước đưa vào danh mục tính điểm công trình đối với 4 ngành khoa học thuộc Tạp chí Khoa học của Nhà trường, gồm: Văn học Việt Nam, Trồng trọt, Vật lý và Quản lý giáo dục. Hiện tại, Nhà trường đang tiếp tục nâng cao chất lượng của Tạp chí Khoa học, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước và chuẩn Quốc tế.

Nhà trường đã tổ chức hơn 800 Hội thảo các cấp, trong đó có 11 Hội thảo Quốc tế, 10 Hội thảo khoa học Quốc gia, và nhiều Hội thảo liên tỉnh, liên trường. Các Hội thảo được tổ chức có sự tham gia đông đảo của các nhà quản lý, các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông là khoa luôn đi đầu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học của trường với nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao (Nhà nước, Bộ, cấp Tỉnh), cấp cơ sở và nhiều bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành hàng năm. Cho đến nay, cán bộ trong khoa đã chủ trì thực hiện hơn 50 đề tài các cấp, trong đó: 01 đề tài hợp tác song phương với Đại học NCTU – Đài Loan, 02 đề tài cấp Nhà nước của quỹ NAFOSTED, 02 đề tài cấp Tỉnh,... Đã công bố hơn 50 công trình khoa học đăng trên các tạp chí và hội thảo chuyên ngành quốc tế (trong đó có 17 bài tạp chí ISI); hơn 300 bài ở các tạp chí khoa học và hội nghị, hội thảo các cấp trong nước và nước ngoài.

Cán bộ trong khoa đã xuất bản 05 giáo trình, tài liệu sử dụng trong nghiên cứu giảng dạy ở bậc cao đẳng, đại học và sau đại học.

4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ hợp tác với hơn 50 trường đại học có uy tín ở 25 quốc gia và vùng lãnh thổ bao gồm: Vương quốc Anh, Cộng hòa Pháp, Hoa Kỳ, CHLB Đức, New Zealand, Australia, Trung Quốc, Thái Lan, Hà Lan, Ba Lan, Vương quốc Bỉ... ; thiết lập mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế như Tổ chức Hỗ trợ đại học Thế giới - WUDC (Canada), Project Trust (Vương quốc Anh), chương trình Fulbright tại Việt Nam, phòng Văn hóa - Thông tin Đại sứ quán Hoa Kỳ, tổ chức Giáo dục Quốc tế AEI (Tây Ban Nha)...

Nhà trường đã cử 202 cán bộ, giảng viên, sinh viên đi học thạc sỹ, tiến sỹ tại 40 trường đại học uy tín trên thế giới thông qua đề án "Liên kết đào tạo nguồn nhân lực có trình độ đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài" và hàng trăm lượt cán bộ, giảng viên đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác đã được ký kết.

Nhà trường đã thực hiện có hiệu quả nhiều dự án hợp tác quốc tế như: Dự án Trung tâm giáo dục Nông nghiệp (AEC) với Canada; dự án phòng chống ma túy trong trường sư phạm với UNDP; dự án hợp tác xây dựng chương trình Việt Nam học với Trường Đại học Cộng đồng Tidewater, Hoa Kỳ; dự án ứng dụng quy trình sản xuất hoa phong lan của Thái Lan tại Thanh Hóa với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Suvanabhumi, Thái Lan; dự án Hỗ trợ phát triển chương trình đào tạo ở các trường đại học nông nghiệp Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu do Chính phủ Hà Lan tài trợ... Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng được các nhóm nghiên cứu về vật lý, nông nghiệp, sinh học, môi trường... với sự tham gia của các giáo sư đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Greifswald (CHLB Đức) và phối hợp với tổ chức thành công nhiều Hội thảo khoa học quốc tế.

Hiện tại, Nhà trường đang triển khai chương trình hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Zielona Gora (Ba Lan); thực hiện chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên chuyên ngành Vật lý trong khuôn khổ học bổng Erasmus Plus của cộng đồng chung Châu Âu; hợp tác đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh quốc tế với Trường Đại học Công nghệ Hoàng gia Thanyaburi, Thái Lan theo mô hình 1+3; hằng năm tiếp nhận và đào tạo hàng trăm lưu học sinh cho nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào ở bậc đại học và sau đại học.

5. Tóm tắt chương trình và kế hoạch đào tạo

5.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

- Ngành đào tạo đăng ký mở: Sư phạm Tin học
- Thời gian đào tạo: 4 năm (48 tháng).
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (không kể GDTC và GDQP).
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
- Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu tiên: 40 chỉ tiêu/01 năm.

5.2. Kế hoạch đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kỳ 1			18
Học phần bắt buộc			
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3
2	133031	Tiếng Anh 1	4
3	111006	Toán cao cấp	4
4	173081	Lập trình cơ bản	3
5	173090	Tin học cơ sở	2
6	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
Học kỳ 2			15
Học phần bắt buộc			
1	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
2	133032	Tiếng Anh 2	3
3	159051	Vật lý kỹ thuật	3
4	172080	Toán rời rạc	3
5	181080	Tâm lý học	4
Học kỳ 3			17
Học phần bắt buộc			
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
2	197030	Pháp luật đại cương	2
3	182005	Giáo dục học	4
4	133033	Tiếng Anh 3	3
5	174030	Cấu trúc dữ liệu & Giải thuật	3
6	172025	Kiến trúc máy tính	3
Học kỳ 4			17
Học phần bắt buộc			
1	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
2	173200	Phương pháp NCKH chuyên ngành	2
3	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4	172031	Hệ điều hành	2
5	173097	Lập trình nâng cao	2
6	174034	Thiết kế Web	2
7	174097	Cơ sở dữ liệu	2

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
8. Học phần tự chọn			3
	174075	Lập trình hướng đối tượng	3
	174076	Lập trình hướng đối tượng với C++	3
Học kỳ 5			14
Học phần bắt buộc			11
1	172050	Mạng máy tính	3
2	173199	Phân tích thiết kế thuật toán	3
3	174031	Thiết kế và xây dựng Cơ sở dữ liệu	2
4	174120	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	3
5. Học phần tự chọn			3
	173095	Trí tuệ nhân tạo	3
	173027	Học máy	3
Học kỳ 6			15
Học phần bắt buộc			10
1	173073	Xử lý ảnh	3
2	132005	Kiến tập sự phạm	2
3	210001	Môi trường và con người	2
4	174045	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	3
Học phần tự chọn			5
5	Chọn 1 trong 2 học phần		3
	172049	Thiết kế và quản trị mạng	3
	172013	Hệ điều hành LINUX	3
6	Chọn 1 trong 2 học phần		2
	174065	Lập trình Web	2
	174036	Phát triển ứng dụng Web mã nguồn mở	2
Học kỳ 7			14
Học phần bắt buộc			8
1	198000	Quản lý Hành chính NN và QL GD	2
2	172990	Lý luận & phương pháp dạy học môn tin học	3
3	172011	Công nghệ JAVA	3
Học phần tự chọn			6
An ninh mạng			
4	Chọn 1/3 học phần		3
	172038	An toàn mạng máy tính	3

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ
	172039	Đánh giá hiệu năng mạng	3
	172041	Công nghệ và thiết bị mạng	3
5	<i>Chọn 1/3 học phần</i>		3
	172042	Thực hành an ninh mạng	3
	172043	Công nghệ điện toán đám mây	3
	172044	Lập trình mạng nâng cao	3
Công nghệ phát triển ứng dụng			
6	<i>Chọn 1/3 học phần</i>		3
	174056	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3
	174057	Thiết kế và phát triển game	3
	174058	Lập trình ứng dụng Android	3
7	<i>Chọn 1/3 học phần</i>		3
	174011	Lập trình trực quan	3
	174052	Công nghệ lập trình DotNet	3
	174054	Công nghệ lập trình RAD Studio	3
Học kỳ 8			11
Học phần bắt buộc			
	116067	Thực tập sư phạm	5
		Đồ án tốt nghiệp	
Học phần thay thế tốt nghiệp			6
	174041	<i>Phân tích thiết kế hướng đối tượng</i>	3
	172017	<i>Quản trị mạng nâng cao</i>	3
	174037	<i>Công nghệ phần mềm</i>	3
Tổng 8 học kỳ			121

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo đã được đưa lên trang website của nhà trường tại địa chỉ: <http://www.hdu.edu.vn>.

Nhà trường cam kết hàng năm đầu tư, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo ngành Sư phạm tin học trình độ đại học.

Đối chiếu với Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/09/2017 về việc Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đại học Hồng Đức đã có đủ điều kiện để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học.

Kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường Đại học Hồng Đức đào tạo ngành Sư phạm Tin học, trình độ đại học, mã số: 7140210.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Văn Thi